

Bản án số: 348/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9- 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Huỳnh Văn Năng**

**2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều**

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.***

Ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Bùi Kim C , sinh năm: 1959 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 19, Khu phố 5, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Khuru Đức N, sinh năm: 1953 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 22/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Bùi Kim C trình bày:*

**-Về quan hệ hôn nhân:** Bà Bùi Kim C và ông Khuru Đức N chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thì bà và ông N sống hạnh phúc được thời gian 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thấy tính tình không còn hòa hợp, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, bà và ông N ly thân nhau từ năm 1995 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Khuru Đức N.

-Về con chung: Có 01 con chung tên là Khuru Hoàng T , sinh năm: 1992. Hiện đã trưởng thành.

-Về tài sản và nợ chung: Không có

*Tại bản tự khai ngày 30/8/2019 và biên bản hòa giải ngày 30/8/2019 và lời khai tại phiên tòa hôm nay ông Khuru Đức N trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Kim C chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thấy tính tình không còn hòa hợp, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, ông và bà Chi ly thân nhau từ năm 1995 cho đến nay. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của bà C, ông cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Khuru Hoàng T , sinh năm: 1992. Hiện đã trưởng thành.

-Về tài sản và nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Kim C và ông Khuru Đức N chung sống với nhau vào năm 1991, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn D ngày 27/8/2019 và thị trấn A ngày 13/9/2019 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của bà C và ông N . Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa bà Kim C và ông N đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà C và ông N đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà C và ông N không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Kim C và ông Khuru Đức N là phù hợp.

[2]Về con chung: Có 01 con chung tên là Khuru Hoàng T , sinh năm: 1992. Hiện đã trưởng thành.

[3] Về tài sản và nợ chung: Không có

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Bùi Kim C được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật nhưng do bà là người cao tuổi (có đơn xác nhận là người cao tuổi) nên được miễn án phí hôn nhân gia đình. Do đó bà Bùi Kim C được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004397 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim C. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Kim C và ông Khuru Đức N.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Khuru Hoàng T , sinh năm: 1992. Hiện đã trưởng thành.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Kim C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng do bà là người cao tuổi (có đơn xác nhận là người cao tuổi) nên được miễn tạm ứng án phí, án phí đã nộp. Do đó bà Bùi Kim C được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004397 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Bà Bùi Kim C và ông Khuru Đức N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/9/2019).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mỹ Dung**